

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 11/5/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-001	22661079	Bùi Thanh Á	08/01/2004	Nam	An Giang	A2	B303
02	A2-002	23635152	Đinh Bảo Anh	10/01/2005	Nam	An Giang	A2	B303
03	A2-003	23635086	Huỳnh Ngọc Thuý	30/05/2005	Nữ	Tây Ninh	A2	B303
04	A2-004	23631300	Nguyễn Châu Tú	01/08/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B303
05	A2-005	23600223	Trần Thị Lan	24/09/2005	Nữ	Đắk Lắk	A2	B303
06	A2-006	21641478	Đào Thái Bảo	19/03/2003	Nam	TP. HCM	A2	B303
07	A2-007	22681001	Đào Ngọc Diễm	07/04/2003	Nữ	Long An	A2	B303
08	A2-008	22631194	Lương Kim Chi	16/08/2004	Nữ	Ninh Thuận	A2	B303
09	A2-009	22681002	Quách Hoàng Chương	01/05/2004	Nam	Long An	A2	B303
10	A2-010	22671012	Phan Phước Đại	22/11/2004	Nam	Đồng Nai	A2	B303
11	A2-011	22631311	Lê Thị Ngọc Diễm	04/03/2004	Nữ	Đắk Lắk	A2	B303
12	A2-012	22641270	Vũ Thuý Dương	26/11/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B303
13	A2-013	20671009	Nguyễn Hoàng Hà	06/06/2001	Nữ	Bình Thuận	A2	B303
14	A2-014	23612026	Nguyễn Thị Cẩm	09/11/2005	Nữ	Long An	A2	B303
15	A2-015	23641043	Nguyễn Thị Hà	24/05/2003	Nữ	Nam Định	A2	B303
16	A2-016	23631202	Huỳnh Thy Bảo Hân	03/12/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B303
17	A2-017	22631567	Đinh Thị Thanh Hằng	19/02/2003	Nữ	Bình Phước	A2	B303
18	A2-018	23612052	Dương Thị Thu Hằng	21/11/2005	Nữ	Long An	A2	B303
19	A2-019	22641781	Trần Thị Bảo Hạnh	04/08/2004	Nữ	An Giang	A2	B303
20	A2-020	22634018	Đào Thu Hiền	10/01/2000	Nữ	Đắk Nông	A2	B303
21	A2-021	23600260	Hoàng Thị Hồng Hiền	09/11/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	B303
22	A2-022	23612085	Nguyễn Diệu Hiền	15/03/2005	Nữ	Cần Thơ	A2	B303
23	A2-023	23641299	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	22/01/2005	Nữ	Long An	A2	B303
24	A2-024	22661084	Phan Văn Hoàng Hiếu	12/03/2004	Nam	TP. HCM	A2	B303
25	A2-025	23635181	Võ Minh Hiếu	04/07/2002	Nam	Đồng Tháp	A2	B303
26	A2-026	22681026	Nguyễn Duy Hoàng Hoàng	07/03/2004	Nam	Lâm Đồng	A2	B303
27	A2-027	22681043	Nguyễn Trần Ngọc Huệ	29/05/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B303
28	A2-028	23641495	Cao Thị Thanh Hương	05/07/2002	Nữ	TP. HCM	A2	B303
29	A2-029	23612035	Nguyễn Thị Cẩm Hương	02/01/2005	Nữ	Bến Tre	A2	B303
30	A2-030	22611162	Phạm Thị Thùy Hương	03/04/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B303
31	A2-031	23641493	Nguyễn Ngọc Huyền	29/12/2005	Nữ	Bắc Ninh	A2	B303
32	A2-032	23641111	Đặng Hoài Khang	29/05/2005	Nam	Long An	A2	B303
33	A2-033	23641259	Phan Minh Khánh	13/12/2001	Nam	Tiền Giang	A2	B303
34	A2-034	22611098	Đặng Thị Thuận Kiều	22/06/2003	Nữ	Đồng Nai	A2	B303
35	A2-035	22661077	Phạm Việt Lâm	23/03/2004	Nam	Quảng Ngãi	A2	B303
36	A2-036	22641507	Nguyễn Hi Lập	24/06/2004	Nam	Đồng Tháp	A2	B303

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 11/5/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-037	22641432	Nguyễn Nguyễn Nhật Lê	26/04/2004	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
02	A2-038	23635062	Nguyễn Lê Hồng Loan	27/05/2005	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B304
03	A2-039	23661083	Lưu Hoàng Long	09/09/2005	Nam	Khánh Hòa	A2	B304
04	A2-040	21631360	Nguyễn Thảo Ly	01/11/2003	Nữ	Tây Ninh	A2	B304
05	A2-041	23641243	Hoàng Xuân Mai	04/12/2005	Nữ	Lâm Đồng	A2	B304
06	A2-042	23635061	Lê Huỳnh Xuân Mai	27/01/2005	Nữ	Long An	A2	B304
07	A2-043	23641432	Nguyễn Huỳnh Trà My	19/10/2003	Nữ	Quảng Nam	A2	B304
08	A2-044	23635141	Tô Thị My	17/03/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	B304
09	A2-045	23600092	Phạm Thị Ly Na	23/07/2005	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B304
10	A2-046	23641251	Doãn Thị Thuý Nga	14/10/2005	Nữ	Đắk Lắk	A2	B304
11	A2-047	22611038	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	06/03/2002	Nữ	Bình Định	A2	B304
12	A2-048	22631566	Đinh Thị Thanh Ngân	02/06/2004	Nữ	Bình Phước	A2	B304
13	A2-049	23612009	Lã Thị Kim Ngân	10/04/2004	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
14	A2-050	22611129	Nguyễn Thị Kim Ngân	17/12/2001	Nữ	TP. HCM	A2	B304
15	A2-051	23635011	Nguyễn Thị Thanh Ngân	01/04/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
16	A2-052	22641868	Trần Thanh Ngân	06/04/2004	Nữ	Bình Phước	A2	B304
17	A2-053	21634029	Trương Tuyết Ngân	12/03/2003	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
18	A2-054	23611077	Võ Thanh Kim Ngân	21/07/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
19	A2-055	23612062	Võ Phương Nghi	02/03/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
20	A2-056	19631295	Võ Tấn Nghiệp	19/07/2001	Nam	TP. HCM	A2	B304
21	A2-057	23635159	Đào Thị Quỳnh Ngọc	24/07/2005	Nữ	Nghệ An	A2	B304
22	A2-058	22611107	Lê Thị Kim Ngọc	22/11/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B304
23	A2-059	23600028	Nguyễn Châu Ngọc	24/01/2004	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
24	A2-060	22611219	Võ Thị Yến Ngọc	17/10/2004	Nữ	Long An	A2	B304
25	A2-061	23600091	Lê Thảo Nguyên	13/01/2003	Nữ	Lâm Đồng	A2	B304
26	A2-062	22671018	Phạm Thành Nhân	15/06/2003	Nam	Long An	A2	B304
27	A2-063	22661134	Lê Minh Nhật	14/01/2004	Nam	TP. HCM	A2	B304
28	A2-064	23635030	Bành Khánh Nhi	30/10/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
29	A2-065	23641466	Huỳnh Yến Nhi	11/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
30	A2-066	22611008	Lê Thị Tuyết Nhi	26/12/2002	Nữ	TP. HCM	A2	B304
31	A2-067	22641241	Nguyễn Lê Yến Nhi	23/11/2004	Nữ	Đắk Lắk	A2	B304
32	A2-068	22641380	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhi	25/01/2004	Nữ	Bình Thuận	A2	B304
33	A2-069	22631253	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	06/10/2003	Nữ	An Giang	A2	B304
34	A2-070	22631192	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	01/01/2004	Nữ	Tây Ninh	A2	B304
35	A2-071	22631154	Nguyễn Thị Uyên Nhi	03/01/2004	Nữ	Bình Phước	A2	B304
36	A2-072	23635070	Trình Xuân Nhi	11/02/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 11/5/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-073	23635083	Trương Ngọc Yến Nhi	12/11/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
02	A2-074	22631057	Đoàn Lê Chân Như	27/07/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B306
03	A2-075	22671007	Vũ Trần Ngọc Như	28/12/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B306
04	A2-076	22612101	Võ Trương Kiều Như	30/10/2004	Nữ	Bình Định	A2	B306
05	A2-077	22631432	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	18/08/2003	Nữ	Tây Ninh	A2	B306
06	A2-078	22634025	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	27/02/2004	Nữ	Long An	A2	B306
07	A2-079	22641699	Nguyễn Trần Tấn Phát	06/05/2002	Nam	TP. HCM	A2	B306
08	A2-080	19635202	Ngô Thanh Phú	10/10/2001	Nam	TP. HCM	A2	B306
09	A2-081	23635107	Nguyễn Võ Hoài Phúc	26/09/2005	Nam	TP. HCM	A2	B306
10	A2-082	22681023	Nguyễn Thị Phụng	23/12/2004	Nữ	Bình Thuận	A2	B306
11	A2-083	20611019	Phùng Bá Phước	21/11/2001	Nam	TP. HCM	A2	B306
12	A2-084	23635121	Đỗ Thị Việt Phương	15/08/2005	Nữ	An Giang	A2	B306
13	A2-085	22612085	Nguyễn Ngọc Đông Phương	31/08/2004	Nữ	Đồng Nai	A2	B306
14	A2-086	23600224	Nguyễn Thị Ái Phương	05/09/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	B306
15	A2-087	23631258	Trương Thị Thanh Phương	03/04/2005	Nữ	Gia Lai	A2	B306
16	A2-088	22681020	Lê Nguyễn Thanh Quyên	24/11/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B306
17	A2-089	23612090	Nguyễn Thị Tố Quyên	09/05/2005	Nữ	An Giang	A2	B306
18	A2-090	23641438	Trần Hoàng Quyên	11/08/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
19	A2-091	22631358	Phương Ngọc Như Quỳnh	28/07/2004	Nữ	Bình Thuận	A2	B306
20	A2-092	23661068	Nguyễn Văn Sĩ	15/09/2005	Nam	hừa Thiên - Hu	A2	B306
21	A2-093	23635117	Trần Thị Thảo Sương	11/06/2005	Nữ	Bình Dương	A2	B306
22	A2-094	22631020	Trương Thị Tuyết Sương	28/01/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B306
23	A2-095	23661073	Lê Phước Tài	14/03/2005	Nam	Quảng Ngãi	A2	B306
24	A2-096	23661106	Nguyễn Thái Tài	14/07/2005	Nam	Bình Thuận	A2	B306
25	A2-097	22641714	Phan Duy Thạch	23/01/2004	Nam	Đắk Lắk	A2	B306
26	A2-098	23635103	Nguyễn Văn Thái	13/11/2005	Nam	Lâm Đồng	A2	B306
27	A2-099	23635037	Phạm Minh Thái	07/10/2005	Nam	Bến Tre	A2	B306
28	A2-100	22662003	Nguyễn Quốc Thắng	09/01/2002	Nam	Tây Ninh	A2	B306
29	A2-101	23635139	Lê Thị Phương Thảo	28/07/2005	Nữ	Đắk Lắk	A2	B306
30	A2-102	23635116	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	02/10/2005	Nữ	Bình Phước	A2	B306
31	A2-103	23612025	Nguyễn Thị Phương Thảo	28/05/2005	Nữ	Long An	A2	B306
32	A2-104	23611091	Lương Hoàng Trang Thi	24/11/2005	Nữ	Đồng Tháp	A2	B306
33	A2-105	23641050	Nguyễn Thị Phương Thi	13/06/2001	Nữ	Bình Thuận	A2	B306
34	A2-106	22641522	Đặng Văn Thiên	30/08/2004	Nam	Bình Định	A2	B306
35	A2-107	23661077	Nguyễn Minh Thịnh	01/03/2005	Nam	Sóc Trăng	A2	B306
36	A2-108	22611078	Đào Anh Thư	24/04/2003	Nữ	An Giang	A2	B306

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 11/5/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-109	23600194	Đỗ Anh Thư	16/11/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B308
02	A2-110	23641041	Nguyễn Anh Thư	10/04/2004	Nữ	Đồng Nai	A2	B308
03	A2-111	24641177	Trần Thị Anh Thư	15/03/2005	Nữ	Đồng Tháp	A2	B308
04	A2-112	23661089	Lê Minh Thuận	29/01/2005	Nam	TP. HCM	A2	B308
05	A2-113	23612060	Đinh Trần Thương Thương	04/12/2005	Nữ	Bà Rịa-Vũng Tàu	A2	B308
06	A2-114	23641257	Nguyễn Thị Thanh Thuý	18/04/2000	Nữ	Đồng Nai	A2	B308
07	A2-115	23612096	Mai Thị Thùy	14/12/2004	Nữ	Thanh Hóa	A2	B308
08	A2-116	23661105	Trịnh Thị Thùy	21/08/2005	Nữ	Thanh Hóa	A2	B308
09	A2-117	23612031	Trần Dạ Bảo Thy	24/11/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B308
10	A2-118	23641311	Võ Thị Tiên	16/05/2003	Nữ	Tây Ninh	A2	B308
11	A2-119	23661113	Phan Đức Tiến	03/06/2005	Nam	TP. HCM	A2	B308
12	A2-120	23612011	Nguyễn Thị Kim Toàn	27/09/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B308
13	A2-121	22641333	Nguyễn Bảo Trâm	30/09/2004	Nữ	Ninh Thuận	A2	B308
14	A2-122	23600217	Trần Thị Trâm	01/08/2005	Nữ	Đồng Tháp	A2	B308
15	A2-123	23635088	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	18/01/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B308
16	A2-124	22611037	Ngô Thị Huế Trân	09/06/2003	Nữ	Kiên Giang	A2	B308
17	A2-125	22611166	Đinh Ngọc Huyền Trang	28/11/2004	Nữ	Bến Tre	A2	B308
18	A2-126	23641258	Phạm Thị Mỹ Trinh	15/09/2001	Nữ	Trà Vinh	A2	B308
19	A2-127	24611082	Phạm Thị Tú Trinh	05/01/2006	Nữ	Đồng Nai	A2	B308
20	A2-128	23611006	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	28/03/2003	Nữ	Kiên Giang	A2	B308
21	A2-129	20612081	Nguyễn Khánh Trường	21/04/2002	Nam	TP. HCM	A2	B308
22	A2-130	23612004	Phạm Thị Cẩm Tú	04/08/2004	Nữ	Đồng Nai	A2	B308
23	A2-131	23661098	Trần Minh Tuấn	13/09/2005	Nam	TP. HCM	A2	B308
24	A2-132	22641334	Lê Nguyễn Thanh Tuyền	26/10/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B308
25	A2-133	23600248	Trần Thị Thanh Tuyền	28/04/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	B308
26	A2-134	22671015	Nguyễn Quốc Việt	13/07/2004	Nam	TP. HCM	A2	B308
27	A2-135	23612027	Huỳnh Đặng Thảo Vy	24/09/2005	Nữ	Long An	A2	B308
28	A2-136	22631002	Lâm Thị Yến Vy	25/02/2002	Nữ	Bình Dương	A2	B308
29	A2-137	23635176	Nguyễn Ngọc Vy	18/03/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B308
30	A2-138	20641413	Nguyễn Thị Hồng Vy	22/12/2002	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B308
31	A2-139	23611039	Nguyễn Thị Thanh Vy	06/04/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B308
32	A2-140	23641110	Võ Lê Ngọc Vy	22/06/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B308
33	A2-141	22611148	Trần Thuý Vy	20/01/2004	Nữ	Long An	A2	B308
34	A2-142	23641253	Nguyễn Thị Hồng Yến	09/01/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B308
35	A2-143	22681011	Nguyễn Thị Xuân Yến	07/09/2003	Nữ	Ninh Thuận	A2	B308
36	A2-144	23600199	Hồ Đỗ Mỹ Yến	16/04/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B308

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 11/5/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	B1-01	23613029	Đào Thị Mộng Cẩm	25/05/2005	Nữ	Tiền Giang	B1	B302
02	B1-02	24613112	Trần Khánh Duyên	14/10/2005	Nữ	Đồng Nai	B1	B302
03	B1-03	23613013	Nguyễn Thị Thu Hà	09/06/2004	Nữ	Thái Bình	B1	B302
04	B1-04	20613010	Lê Ngọc Hân	23/06/2001	Nữ	Bình Thuận	B1	B302
05	B1-05	23613026	Trương Nhật Khải	01/06/2002	Nữ	Long An	B1	B302
06	B1-06	23613048	Nguyễn Thị Ánh Thư	13/02/2005	Nữ	TP. HCM	B1	B302
07	B1-07	23613205	Đoàn Trương Bảo Trân	31/10/2005	Nữ	Khánh Hòa	B1	B302
08	B1-08	22613027	Đào Thuý Vy	23/03/2002	Nữ	Đồng Nai	B1	B302
09	B1-09	23613035	Nguyễn Trần Như Ý	11/12/2005	Nữ	Đồng Nai	B1	B302
10	B2-01	22621164	Đỗ Bảo Nhi	29/01/2004	Nữ	TP. HCM	B2	B302
11	B2-02	21621245	Quách Thụy Phong	31/03/2003	Nam	TP. HCM	B2	B302
12	B2-03	23611042	Cao Thị Diễm Thương	27/03/2003	Nữ	Gia Lai	B2	B302
13	B2-04	23611059	Nguyễn Thị Thảo Vy	03/04/2005	Nữ	Gia Lai	B2	B302

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.